**Tổng hợp ý kiến các đơn vị Bộ, ngành, hiệp hội về dự thảo 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đơn vị** | **Ý kiến** | **Giải trình** |
| **1** | **Bộ Tư pháp** | ***Về trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch TMĐT*** | |
| Điểm a khoản 12 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định sàn giao dịch thương mại điện tử có trách nhiệm*“phối hợp với các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ để gỡ bỏ các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nếu có căn cứ xác thực”.* Theo quy định tại Điều 200 Luật Sở hữu trí tuệ thì chỉ có các cơ quan Tòa án, Thanh tra, Quản lý thị trường, Hải quan, Công an, Ủy ban nhân dân các cấp mới có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Vì vậy, đề nghị quy định rõ hơn căn cứ cũng như quy trình, thủ tục phối hợp giữa sàn giao dịch thương mại điện tử với chủ thể quyền sở hữu trí tuệ và các cơ quan quản lý nhà nước để gỡ bỏ các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt trong trường hợp xảy ra tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ, để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Sở hữu trí tuệ cũng như tính khả thi của Nghị định sau khi được ban hành. | Tiếp thu. Đã chỉnh sửa như sau:  “*Phối hợp với các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ gỡ bỏ các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ khi có căn cứ xác thực.”* Mục tiêu của quy định này là việc cho phép chủ thể quyền có quyền phản ánh, khiếu nại đến chủ sàn thương mại điện tử khi nhận thấy quyền của mình bị xâm phạm cũng như trách nhiệm của chủ sàn trong việc tiếp nhận các khiếu nại, phản ánh này. Việc thỏa thuận, xử lý các hành vi xâm phạm quyền là hoạt động giữa hai bên là bên khiếu nại và bên nhận khiếu nại và thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp chủ sàn từ chối tiếp nhận phản ánh, hoặc khi đã có căn cứ xác thực mà không xử lý phản ánh; hoặc vụ việc khiếu nại, khiếu kiện đã được các cơ quan chức năng xử lý thì sẽ là căn cứ để các cơ quan có thẩm quyền tiến hành xử lý vi phạm hành chính hoặc có các biện pháp chế tài khác đối với chủ sàn. |
| Điểm b khoản 12 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định những sàn giao dịch thương mại điện tử bán lẻ có tích hợp chức năng đặt hàng và thanh toán trực tuyếncó trách nhiệm *“cung cấp công cụ hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước tra cứu, định danh người bán, các giao dịch liên quan tới người bán để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo”,* đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình rõ hơn về thuật ngữ “*công cụ hỗ trợ*” cũng như sự cần thiết phải quy định trách nhiệm này của các sàn giao dịch thương mại điện tử. | Tiếp thu. Đã chỉnh sửa điểm b khoản 12 Điều 1 như sau *“a)* Cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước công cụ tra cứu các thông tin liên quan tới người bán để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo.*”* |
| Điểm b khoản 12 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định những sàn giao dịch thương mại điện tử bán lẻ có tích hợp chức năng đặt hàng và thanh toán trực tuyếncó trách nhiệm *“liên đới trách nhiệm về hàng hóa, dịch vụ bán trên sàn giao dịch thương mại điện tử nếu không thực hiện các nghĩa vụ…”*. Theo quy định tại Điều 587 Bộ luật Dân sự năm 2015, trường hợp nhiều người cùng gây thiệt hại thì những người đó phải liên đới bồi thường cho người bị thiệt hại. Vì vậy, đề nghị chỉnh lý quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 dự thảo Nghị định cho phù hợp với quy định tại Điều 587 Bộ luật Dân sự năm 2015. | Điểm b khoản 12 Điều 1 quy định về trách nhiệm liên đới của chủ sàn giao dịch TMĐT trong phạm vi hợp đồng giao kết, trong khi quy định tại Điều 587 là về trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. |
| ***Về hoạt động thương mại điện tử của thương nhân, tổ chức nước ngoài*** | |
| -Dự thảo Nghị định bổ sung Điều 67a về thương nhân, tổ chức nước ngoài thiết lập website hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam theo 02 Phương án. Tuy nhiên, dự thảo Tờ trình chưa phân tích rõ ưu, nhược điểm của từng Phương án cũng như Phương án được cơ quan chủ trì soạn thảo lựa chọn và lý do lựa chọn. Ngoài ra, đề nghị cân nhắc quy định giao Bộ Công Thương quy định ngưỡng giao dịch/lượt truy cập/số đơn hàng theo từng thời kỳ và phù hợp với thực tiễn của hoạt động thương mại (Phương án 2) vì theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Luật Đầu tư năm 2020 thì điều kiện đầu tư kinh doanh phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ của nhà đầu tư. | Tiếp thu |
| Dự thảo Nghị định bổ sung Điều 67c về điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực dịch vụ thương mại điện tử trong đó có điều kiện “*nhà đầu tư nước ngoài thuộc danh sách các công ty công nghệ uy tín toàn cầu trong lĩnh vực thương mại điện tử do Bộ Công Thương công bố định kỳ*”. Đề nghị giải trình rõ sự cần thiết của quy định này, đảm bảo phù hợp với Luật Đầu tư năm 2020 và các cam kết quốc tế có liên quan của Việt Nam (nếu có). | Ban soạn thảo xin giải trình như sau:  - Thực hiện các quan điểm chỉ đạo của các Nghị quyết 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày  27/9/2019 của Bộ Chính trị trong đó có chỉ đạo:  “- *nâng cao tiêu chuẩn công nghệ, khuyến khích hình thức liên doanh và tăng cường liên kết, chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài*”  - Điểm d khoản 3 Điều 9 của Luật Đầu tư 2020 quy định:  “*d) Năng lực của nhà đầu tư; đối tác tham gia thực hiện hoạt động đầu tư;” là một hình thức điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài.”*  Do lĩnh vực thương mại điện tử là một lĩnh vực có tốc độ phát triển rất nhanh, chiếm lĩnh một phần quan trọng trong hoạt động phân phối, luân chuyển hàng hóa, việc Dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực thương mại điện tử Việt Nam phải thuộc danh sách các công ty công nghệ uy tín toàn cầu trong lĩnh vực thương mại điện tử để đảm bảo bên cạnh đầu tư vốn để tận dụng thị trường thì các nhà đầu tư còn chuyển giao công nghệ nguồn, kỹ thuật quản lý, vận hành hệ thống logistics…phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Đảng, pháp luật của Nhà nước như đã được quy định tại Luật Đầu tư 2020, Luật Chuyển giao công nghệ 2017 (Điều 3)… |
| Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu các quy định chuyển tiếp để xử lý cho phù hợp, đầy đủ. | Tiếp thu |
| ***Về điều khoản thi hành (Điều 3)***  Dự thảo Nghị định bổ sung một số nghĩa vụ cho thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử bán hàng; thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử; thương nhân, tổ chức nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam như nghĩa vụ cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ; thực hiện thủ tục thông báo, đăng ký hoạt động thương mại điện tử; xác thực danh tính của người bán trên sàn giao dịch thương mại điện tử; cho phép khách hàng lựa chọn phương thức thanh toán đảm bảo… vì vậy, cần cân nhắc quy định thời hạn chuyển tiếp đối với các thương nhân, tổ chức, cá nhân đã có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam trước khi Nghị định này có hiệu lực. | Tiếp thu, bổ sung tại dự thảo Nghị định quy định chuyển tiếp |
| ***Về hồ sơ và trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị định*** | |
| Về cơ bản, việc soạn thảo dự thảo Nghị định này đã được cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, tại dự thảo Tờ trình chưa thể hiện rõ việc cơ quan chủ trì soạn thảo đã đăng tải toàn văn dự thảo văn bản và tờ trình trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của cơ quan chủ trì soạn thảo theo quy định tại Điều 91 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.  Ngoài ra, đây là dự thảo Nghị định được xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và thương mại điện tử là lĩnh vực chuyên ngành về thương mại cũng như công nghệ thông tin, do vậy để bảo đảm chất lượng văn bản trước khi trình Chính phủ cho ý kiến, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định, nhất là đối tượng chịu sự tác động của văn bản. | Tiếp thu, đã bổ sung tại khoản 6 mục III Tờ trình dự thảo  - Bộ Công Thương đã tổ chức 02 hội thảo xin ý kiến góp ý tại Hà Nội (3/11) và Hồ Chí Minh (5/11). Trực tiếp làm việc với đối tượng chịu sự tác động là thương nhân, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực TMĐT, Hiệp hội TMĐT Việt Nam. Đơn vị soạn thảo cũng tiếp nhận ý kiến rộng rãi từ các Bộ, ngành liên quan và các văn bản góp ý từ VCCI, USABC, Hiệp hội TMĐT… |
| Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung đánh giá về (i) sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định; (ii) việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định; và (iii) điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành Nghị định (ít nhất trong dự thảo Tờ trình Chính phủ). | Tiếp thu, đã bổ sung tại Bản đánh giá thủ tục hành chính |
| ***Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản:***  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý về ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo văn bản của dự thảo Nghị định cho phù hợp với quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu |
| 2 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tại khoản 7 Điều 1 (Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 và khoản 7 Điều 27 như sau), đề nghị cân nhắc bổ sung nội dung 7. như sau: “Lưu trữ thông tin đầy đủ về người mua, lịch sử giao dịch được thực hiện qua website theo quy định của pháp luật; Công bố công khai số điện thoại tiếp nhận phản ánh về chất lượng hàng hóa, dịch vụ và có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của pháp luật; *tuân thủ các quy định về việc lập, sử dụng, bảo quản, lưu trữ chứng từ điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử”.* | Tiếp thu, đã chỉnh sửa khoản 7 Điều 1 như sau: “Lưu trữ thông tin về các giao dịch được thực hiện qua website theo quy định của pháp luật về kế toán.*”* |
| Tại điểm b khoản 12 Điều 1 (bổ sung khoản 11 Điều 36 như sau), đề nghị xem xét bổ sung điểm đ như sau*: “Xây dựng và thực hiện các nguyên tắc quản lý rủi ro đối với các giao dịch thương mại điện tử bán lẻ có tích hợp chức năng bán hàng và thanh toán trực tuyến”.* | Nguyên tắc quản lý rủi ro tuỳ thuộc vào cơ chế quản lý của mỗi sàn giao dịch TMĐT. Nội dung này được quy định tại Quy chế hoạt động sàn giao dịch TMĐT (Điều 38) |
| Theo dự thảo Tờ trình, tại mục 2.7 phần IV (Bổ sung quy định về quản lý hoạt động TMĐT có yếu tố nước ngoài) đã nêu *“Quy định các trường hợp loại trừ của nhà đầu tư nước ngoài đầu tư nước ngoài đầu tư vào tổ chức kinh tế là doanh nghiệp đổi mới sáng tạo để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa”* nhưng nội dung này chưa có tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung. Vì vậy, đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu bổ sung vào Nghị định sửa đổi, bổ sung theo hướng: đối với các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam trong lĩnh vực thương mại điện tử hoặc hoạt động trên các sàn thương mại điện tử thì được miễn/giảm một số điều kiện gia nhập thị trường. | Ban soạn thảo tiếp thu theo hướng bổ sung nội dung sau vào Điều 67c:  “3. Nhà đầu tư có hoạt động đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vửa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa không phải thực hiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều này”.  Lý do: Do các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thường có nhu cầu vốn lớn để phát triển nhanh và nguồn vốn này có thể đến từ các quỹ đầu tư, cá nhân...nên việc miễn trừ điều kiện về doanh nghiệp công nghệ uy tín là phù hợp với thực tiễn của các doanh nghiệp này. |
| 3 | Bộ Nội vụ | Về việc lấy ý kiến 2 phương án tại Điều 67a của dự thảo Nghị định: Tại hồ sơ dự thảo Nghị định, Bộ Công Thương chưa làm rõ được cơ sở lấy mốc 100.000 lượt giao dịch để làm điều kiện cho thương nhân, tổ chức nước ngoài thiết lập sàn giao dịch thương mại điện tử tại Việt Nam. Do vậy, Bộ Nội vụ chọn phương án 2 (giao Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông… phù hợp với thực tiễn của hoạt động thương mại). | Ban soạn thảo sẽ bổ sung, làm rõ cơ sở lấy mốc số lượt giao dịch đối với Phương án 1 tại Thuyết minh chi tiết; đồng thời sẽ báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định lựa chọn Phương án phù hợp. |
| 4 | Bộ Quốc Phòng | Tại Mục 3 “bổ sung khoản 16 Điều 3”, đề nghị:  - Sửa đổi quy định về phương thức bảo đảm thanh toán phù hợp với Khoản 2 Điều 1 Thông tư 23/2019/TT-NHNN, theo đó: Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có thể lựa chọn phương thức để đảm bảo khả năng thanh toán bao gồm (¡) mở tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ hoặc (ii) duy trì khoản tiền ký quỹ hoặc (iii) các biện pháp đảm bảo khác.  - Bồ sung thêm đối tượng ký kết hợp đồng hợp tác về thanh toán với chủ sở hữu website thương mại điện tử là Ngân hàng, do có đầy đủ các điều kiện về chức năng nghiệp vụ, nhân sự, kỹ thuật... để có thể đảm bảo thanh toán an toàn cho các giao dịch thương mại điện tử. | Tiếp thu, đã chỉnh sửa thành:  *“*Phương thức thanh toán đảm bảo trong thương mại điện tử là dịch vụ được cung cấp trên website thương mại điện tử, theo đó khoản tiền trả trước bằng phương thức thanh toán trực tuyến của khách hàng trong giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ trên website này được tạm giữ trong tài khoản của bên thứ ba để hỗ trợ cho việc giải quyết tranh chấp giữa khách hàng và người bán*”* |
| Tại mục 5 “sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 24”, khoản 1 đề nghị bổ sung làm rõ đối với hai khái niệm về “người sở hữu website thương mại điện tử bán hàng” và “các thương nhân, tổ chức, cá nhân thiết lập website thương mại điện tử” | Đây không phải hai khái niệm riêng biệt, “người sở hữu website thương mại điện tử bán hàng” là thuật ngữ viết tắt để chỉ “Các thương nhân, tổ chức, cá nhân thiết lập website thương mại điện tử để phục vụ hoạt động xúc tiến thương mại, bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ của mình” |
| Tại mục 8 “sửa đổi, bổ sung Điều 30”, khoản 2 đề nghị làm rõ trách nhiệm công bố thông tin Giấy phép và điều kiện kinh doanh trong trường hợp của Sàn giao địch TMĐT (là website thương mại điện tử) thuộc về Sàn giao dịch TMĐT hay Người bán hàng trên Sàn giao dịch TMĐT để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 37 của Nghị định này | Khoản 2 Điều 30 áp dụng cho website thương mại điện tử bán hàng (chủ sở hữu website TMĐT đồng thời là người bán) |
| Tại mục 11 “sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35”:  - Điểm a để nghị sửa lại như sau “Website cho phép người tham gia được mở các gian hàng hoặc lập các website nhánh để trưng bày, giới thiệu, *đăng tải các đánh giá, trải nghiệm về hàng hóa hoặc dịch vụ*”, đồng thời bổ sung định nghĩa website nhánh.  - Điểm d, đề nghị xây dựng quy định cụ thể áp dụng cho mạng xã hội có hoạt động mang tính chất của Sàn giao dịch TMĐT. | - “đăng tải các đánh giá, trải nghiệm về hàng hóa và dịch vụ” có thể áp dụng tất cả các hình thức website, do đó, cơ quan soạn thảo giữ nguyên quy định trên.  - Mạng xã hội có một trong các đặc tính tại điểm a, b, c khoản này sẽ tuân thủ các quy định tương tự như một sàn giao dịch TMĐT |
| Tại mục 12 “sửa đổi, bổ sung Điều 36”, đề nghị làm rõ phạm vi trách nhiệm, mức độ tham gia của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ Sàn giao dịch TMĐT trong hoạt động giải quyết tranh chấp/khiếu nại giữa người cung cấp hàng hóa, dịch vụ (người bán) và người tiêu dùng. | Khoản 12 điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 36 đã quy định rõ trách nhiệm của chủ sàn giao dịch TMĐT trong việc giải quyết tranh chấp/ khiếu nại của người tiêu dùng:  - “Là đầu mối tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của người tiêu dùng trong trường hợp một giao dịch thực hiện trên sàn giao dịch thương mại điện tử có nhiều hơn 02 (hai) bên tham gia”;  - “Thay mặt cho thương nhân, tổ chức nước ngoài trên sàn giao dịch thương mại điện tử giải quyết các khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến hàng hóa, dịch vụ do thương nhân nước ngoài cung cấp và có trách nhiệm khai, khấu trừ và nộp thuế theo quy định.” |
| Tại Mục 17 “bổ sung mục 5 sau mục 4 Chương IV Quản lý hoạt động thương mại điện tử”, Điều 67a quy định “Thương nhân, tổ chức nước ngoài thiết lập website hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam”, Bộ Quốc phòng. đề xuất lựa chọn Phương án 2 để mở rộng phạm vi đi chỉnh và phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động thương mại của từng thời kỳ. | Ban soạn thảo sẽ trình Chính phủ xem xét, quyết định |
| Tại Mục 19 “sửa đổi, bổ sung Điều 80”:  - Điểm d, khoản 1 đề nghị sửa đổi, bổ sung “Xây dựng hệ thống tiếp nhận giải quyết khiếu nại, thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm về hoạt động thương mại điện tử”.  - Điểm a, khoản 5, đề nghị Ban soạn thảo làm rõ trách nhiệm chủ trì bảo vệ an ninh mạng với hoạt động thương mại điện tử giữa Bộ Công an hay Bộ Quốc phòng để đảm bảo thống nhất trong thực hiện; Bộ Quốc phòng đề xuất giao Bộ Công an chủ trì. | - Nghị định 52 đã có quy định về Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT, nơi tiếp nhận các phản ánh của doanh nghiệp và người tiêu dùng trong TMĐT  - Tiếp thu |
| Về bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 26 Nghị định 52/2013/NĐ-CP:  Điểm c khoản 3 Điều 26 Nghị định 52/2013/NĐ-CP quy định bên cung cấp dịch vụ thương mại điện tử không phải là bên thứ ba cung cấp thông tin theo quy định của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Việc bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 26 là chưa hợp lý vì nếu bãi bỏ quy định này đã gián tiếp công nhận thương nhân cung câp dịch vụ TMĐT là bên thứ ba cung cấp thông tin và phải có trách nhiệm với các thông tin do người bán đăng tải trên website và như vậy không phù hợp với Điều 37 của Nghị định 52/2013/NĐ-CP quy định việc cung cấp chính xác thông tin hàng hóa, dịch vụ là trách nhiệm của người bán trên Sàn TMĐT. | Theo quy định tại Nghị định 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bên thứ ba trong việc cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ tới người tiêu dùng là các tổ chức, cá nhân được tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ yêu cầu thực hiện việc cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ, bao gồm: a) *Tổ chức, cá nhân kinh doanh* ***thực hiện dịch vụ cung cấp*** *thông tin về hàng hóa, dịch vụ tới người tiêu dùng*; b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh tham gia vào việc xây dựng thông tin về hàng hóa, dịch vụ; c) *Chủ phương tiện truyền thông, nhà cung cấp dịch vụ truyền thông*; d) Tổ chức, cá nhân khác được yêu cầu thực hiện việc cung cấp thông tin. |
| 5 | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Đề nghị xem xét sửa đổi các nội dung quy định của Điều 2 theo Khoản, vì Khoản 2 của Điều này đã bị bãi bỏ tại Điều 2 của dự thảo Nghị định. | Tiếp thu, sẽ phối hợp với Bộ Tư pháp chỉnh sửa về kỹ thuật trình bày |
| Khoản 8 Điều 1 Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:  Khoản 1, đề nghị xem xét, nghiên cứu không quy định “... trừ các thông tin có tính chất riêng biệt theo sản phẩm như: năm, tháng, ngày sản xuất; hạn sử dụng, số lô sản xuất, số khung, số máy” để minh bạch thông tin hàng hóa đồng thời quản lý chặt chẽ việc mua bán, lưu thông hàng hóa, bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng trong hoạt động thương mại điện tử cũng như bảo đảm môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng, minh bạch giữa các loại hình mua bán hàng hóa (thương mại điện tử và truyền thống). | Hàng hóa lưu thông trong môi trường truyền thống hay môi trường điện tử đều phải tuân thủ quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. Khoản 8 Điều 1 dự thảo Nghị định đang sửa đổi, bổ sung Điều 30 theo hướng quy định về việc ***cung cấp thông tin*** hiển thị đối với hàng hóa trên website TMĐT. Ví dụ, một sản phẩm mỹ phẩm lưu hành trên thị trường dù trên môi trường điện tử hay môi trường truyền thống, bắt buộc phải thực hiện quy định về nhãn hàng hóa như: tên hàng hóa, xuất xứ hàng hóa, ngày sản xuất… nhưng khi cung cấp thông tin trên website, người bán sản phẩm này không cần đăng tải thông tin về “ngày sản xuất”, do thông tin này mang tính chất riêng biệt, thay đổi theo thời gian, tiết kiệm chi phí, thời gian đăng tải cho người bán và chủ sàn giao dịch TMĐT. |
| Khoản 15 Điều 1 Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 55 như sau:  Đề nghị xem xét, bổ sung quy định cho phép thương nhân, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp “Bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc chứng thực bản sao điện tử” từ bản chính quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp, giấy phép kinh doanh. Như vậy để bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định của Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, tạo thuận lợi cho thương nhân, tổ chức, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục đăng ký thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử. | Tiếp thu, đã chỉnh sửa như sau:  “Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập (đối với tổ chức); bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc chứng thực bản sao điện tử từ bản chính; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp (đối với thương nhân), giấy phép kinh doanh (đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài);” |
| Khoản 17 Điều 1 Bổ sung Mục 5 sau Mục 4 Chương IV Quản lý hoạt động thương mại điện tử như sau:  Nhất trí với phương án 1 quy định khoản 1, 2 Điều 67a, tuy nhiên đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định ngưỡng giao dịch “... có trên ...” đồng thời chỉnh sửa số lượng phù hợp trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế với thay vì số lượng là “100.000”, vì đây là một trong những nội dung quy định để xác định thương nhân, tổ chức nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam. | Việc đặt ngưỡng có tham khảo số liệu từ kinh nghiệm quốc tế (mới đây nhất là Indonesia) và các giao dịch của các sàn giao dịch TMĐT nội địa |
| Về dự thảo Tờ trình Chính phủ  Đề nghị xem xét, bổ sung nội dung gửi Bộ Tư pháp lấy ý kiến thẩm định vào quá trình xây dựng dự thảo Nghị định (phần III). | Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại dự thảo Tờ trình |
| 6 | Ngân hàng Nhà nước | Điều 1 khoản 3 và khoản 18:  Pháp luật hiện hành về thanh toán chưa có quy định về “tài khoản trung gian” như quy định tại khoản 3 Điều 1 Dự thảo Nghị định. Liên quan đến việc đảm bảo khả năng thanh toán, hiện nay tại các văn bản quy phạm pháp luật trong ngành ngân hàng đã quy định về việc đảm bảo khả năng thanh toán của các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (như Điều 8 Thông tư số 39/2014/TT-NHNN ngày 11/12/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016, Thông tư số 30/2016/TT-NHNN ngày 14/10/2016, Thông tư số 23/2019/TT-NHNN ngày 22/1 1/2019).  Tuy nhiên, thanh toán qua tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chỉ là một trong các phương thức thanh toán trên các website thương mại điện tử. Các phương thức thanh toán khác như thanh toán qua tài khoản thanh toán, thẻ ngân hàng...của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán là các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt chủ yếu hiện nay trên các website thương mại điện tử.  Do đó, để không giới hạn quyền lựa chọn của khách hàng khi sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát sửa đổi, bổ sung quy định theo hướng phương thức thanh toán đảm bảo áp dụng với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để đảm bảo bao quát với tắt cả các loại hình được phép cung ứng, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời, đề nghị rà soát các quy định về tài khoản sử dụng trong, thanh toán đảm bảo phủ hợp với quy định pháp luật trong lĩnh vực thanh toán. | Tiếp thu, đã chỉnh sửa thành:  *“*Phương thức thanh toán đảm bảo trong thương mại điện tử là dịch vụ được cung cấp trên website thương mại điện tử, theo đó khoản tiền trả trước bằng phương thức thanh toán trực tuyến của khách hàng trong giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ trên website này được tạm giữ trong tài khoản của bên thứ ba để hỗ trợ cho việc giải quyết tranh chấp giữa khách hàng và người bán”. |
| Điều 1 khoản 5  Đề nghị xem xét bổ sung giải thích từ ngữ đổi với cụm từ' “website thương mại điện tử bán hàng” | “website thương mại điện tử bán hàng” đã được định nghĩa tại khoản 1 Điều 25 dự thảo Nghị định |
| Điều 1 khoản 7: Hiện nay, nhiều mạng xã hội cho phép người bán đăng thông tin hàng hóa và người mua đặt hàng thông qua chức năng bình luận trên nội dung bài đăng của người bán. Chức năng này không phải chức năng đặt hàng trực tuyến theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định 52/2013/NĐ-CP nhưng số lượng hàng hóa được bán thông qua hình thức này trên mạng xã hội là rất lớn. Do đó, đề nghị Bộ Công thương nghiên cứu, rà soát phương án quản lý đối với trường hợp này. | Tiếp thu, nội dung này đã được quy định tại khoản 10 Điều 1 dự thảo Nghị định |
| Điều 1 khoản 8: Đề nghị cân nhắc đối với việc loại trừ các thông tin có tính chất riêng biệt theo sản phẩm như năm, tháng, ngày sản xuất và hạn sử dụng,... vì đây là những nội dung bắt buộc của nhiều loại mặt hàng theo quy định tại Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và là căn cứ để khách hàng xác định được đặc tính của hàng hóa. | Nghị định 43/2017/NĐ-CP quy định những nội dung *bắt buộc ghi trên nhãn hàng hoá*, còn dự thảo Nghị định quy định về việc *cung cấp thông tin hàng hóa* trên website TMĐT.  Việc loại trừ trong quy định này đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực thi trên môi trường điện tử. Các thông tin sản phẩm, hàng hóa có tính chất riêng biệt gắn liền với mỗi loại sản phẩm, hàng hóa không khả thi để thay đổi liên tục trên website, đặc biệt với các sản phẩm là thực phẩm tiêu dùng hàng ngày như đồ ăn (sản xuất theo phút, giờ, hạn sử dụng tính theo giờ, ngày, tháng…) |
| Điều 1 khoản 11: Đề nghị xem xét chỉnh sửa điểm b Khoản 2 Điều 35 Nghị định 52 như sau:  “Website cho phép người tham gia được mở tài khoản để thực hiện quá trình giao kết hợp đồng khi cung cấp *hàng hóa*, dịch vụ cho khách hàng ". | Điểm b khoản 2 Điều 35 Nghị định 52 được chỉnh sửa như sau: *“*Website cho phép người tham gia được mở tài khoản để thực hiện quá trình giao kết hợp đồng với khách hàng*”* |
| Điều 1 khoản 12: Đề nghị bổ sung điểm e khoản 9 Điều 36 Nghị định 52: “tham gia giải quyết khiếu nại, phản ánh và các tranh chấp từ doanh nghiệp và người tiêu dùng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền...” | Đã được bổ sung tại điểm b khoản 12 (bổ sung khoản 11 Điều 36) |
| Điều 1 khoản 12: đề nghị bổ sung giải thích cụm từ “sàn thương mại điện tử bán lẻ” tại Điều 3 Nghị định 52. | Bán lẻ là hoạt động bán hàng hóa cho cá nhân, hộ gia đình, tổ chức khác để sử dụng vào mục đích tiêu dùng. Khái niệm này được sử dụng tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP. Do đó, không cần thiết phải giải thích lại. |
| Điều 1 khoản 12: Đề nghị làm rõ trách nhiệm “Là đầu mối tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của người tiêu dùng trong trường hợp một giao dịch thực hiện trên sàn giao dịch thương mại điện tử có nhiều hơn 02 bên tham gia.” | Chủ sàn giao dịch TMĐT là chủ thể vận hành sàn giao dịch TMĐT, xây dựng quy chế hoạt động của sàn và là đầu mối tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của người tiêu dùng. Ví dụ, trong một giao dịch có sự tham gia của nhiều đơn vị như đơn vị cung cấp dịch vụ sàn giao dịch TMĐT, đơn vị cung cấp dịch vụ logistics, đơn vị trung gian thanh toán, người bán, người mua… đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chủ sàn phải là đầu mối tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của người tiêu dùng. |
| Điều 67a:  - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc lựa chọn phương án 1, là phương án đơn giản, khả thi, dễ triển khai thực hiện.  - Trong trường hợp lựa chọn phương án 2: Đề nghị làm rõ cơ quan liên quan tại khoản 2, phương án 2 Điều 67a là các cơ quan nào, trong trường hợp bao gồm Ngân hàng Nhà nước, đề nghị bỏ Ngân hàng Nhà nước khỏi danh sách các cơ quan liên quan.  Bên cạnh đó, đề nghị làm rõ cơ quan quản lý nhà nước nào là đầu mối cung cấp số liệu? Trường hợp có nhiều cơ quan quản lý nhà nước cùng cung cấp số liệu thì xử lý như thế nào nếu số liệu có sự chênh lệch? Số liệu được cung cấp định kỳ hay đột xuất? Việc xử lý đối với trường hợp sàn giao dịch thương mại điện tử ở nước ngoài có giao dịch vượt ngưỡng quy định nhưng không thực hiện việc thông báo/đăng ký được thực hiện như thế nào? | - Ban soạn thảo tiếp thu và sẽ trình Chính phủ xem xét, quyết định lựa chọn phương án phù hợp.  - Lĩnh vực thương mại điện tử là một tổ hợp các hoạt động bao gồm hoạt động thương mại, thanh toán, logistic do vậy sự phối hợp thông tin, cung cấp giữa các cơ quan cung cấp số liệu là cần thiết. Các số liệu này sẽ làm tham chiếu để yêu cầu các doanh nghiệp thương mại điện tử nước ngoài phải giải trình về hoạt động của mình tại Việt Nam. Do vậy, tất cả các số liệu đều có giá trị trong việc yêu cầu các doanh nghiệp hoạt động xuyên biên giới phải có trách nhiệm tuân thủ pháp luật Việt Nam.  Việc xử lý các trường hợp không tuân thủ pháp luật Việt Nam sẽ được thực hiện trong khuôn khổ các hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (hải quan, quản lý internet, an ninh mạng, thương mại) và các văn bản quy định về xử lý vi phạm hành chính có liên quan. |
| - Khoản 3 điểm a Điều 67a: Đề nghị quy định rõ về chế độ báo cáo đối với các thương nhân, tổ chức nước ngoài và có tham chiếu rõ ràng điều khoản quy định chế độ báo cáo thay vì chỉ quy định là “theo quy định tại Nghị định này”. Đề nghị xem xét việc báo cáo là “tự nguyện” hay “bắt buộc”? Nếu thương nhân, tổ chức nước ngoài không tự nguyện báo cáo thì có chế tài xử lý không? | Tiếp thu. Chế độ báo cáo được quy định tại Điều 57 Nghị định số 52.  Chế tài xử lý áp dụng theo Điều 78 Nghị định số 52 và Nghị định 98/2020/NĐ-CP, ví dụ: hủy bỏ đăng ký/thông báo website; công bố thông tin vi phạm, thông tin về website khuyến cáo người tiêu dùng thận trọng trên Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT theo quy định Điều 67 Nghị định 52. |
| - Khoản 3 điểm b Điều 67a: Đề nghị bỏ cơ quan quản lý nhà nước về ngân hàng (Ngân hàng Nhà nước) vì Ngân hàng Nhà nước chỉ quản lý các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán, không có thẩm quyền quản lý các sàn giao dịch thương mại điện tử/Website thương mại điện tử và không có thẩm quyền thu thập, báo cáo thông tỉn, dữ liệu liên quan tới các sàn/website này, trong đó bao gồm thông tin, dữ liệu về lượt giao dịch/ lượt truy cập/ số đơn hàng được thực hiện thông qua một sàn giao dịch/website thương mại điện tử. | Ban soạn thảo xin giải trình như sau:  Lĩnh vực thương mại điện tử là một tổ hợp các hoạt động bao gồm hoạt động thương mại, thanh toán, logistics…và các nội dung này đang được quy định tại Nghị định. Do vậy, sự phối hợp thông tin giữa các cơ quan cung cấp số liệu là cần thiết. Trong đó, các trung gian thanh toán là một phần không thể tách rời của hoạt động thương mại điện tử hiện nay và trong tương lại. |
| Điều 67b khoản 3: Đề nghị nghiên cứu, rà soát lại do hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ngoài tuân thủ pháp luật về hải quan phải tuân thủ các quy định tại Luật thương mại | Tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo theo hướng sau: “3. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện *thủ tục hải quan* theo quy định của pháp luật hải quan.” |
| 7 | Thanh tra Chính phủ | Thanh tra Chính phủ cơ bản nhất trí với tên gọi, nội dung, bố cục của Dự thảo Nghị định nói trên. Tuy nhiên, để hoàn thiện văn bản đề nghị Ban soạn thảo sửa đổi điểm d khoản 19 Điều 1 dự thảo quy định về trách nhiệm của Bộ Công thương như sau: “Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, và xử lý vi phạm về hoạt động thương mại điện tử.” | Tiếp thu |
| 8 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Sự cần thiết xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung:  Ngày 28/5/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 3506/BKHĐT-KTDV tham gia ý kiến đối với Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bỗ sung một, số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử, trong đó nhất trí với sự cần thiết phải sửa đổi, bỗ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP để kịp thời có căn cứ pháp luật điều chỉnh một số vấn đề mới phát sinh trong hoạt động thương mại điện tử thời gian gần đây.  Tuy nhiên, đề nghị Bộ Công Thương bổ sung đánh giá (như đã được đề nghị tại văn bản góp ý nêu trên) những vấn đề liên quan đến hoạt động thương mại điện tử có sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài, các cam kết của Việt Nam trong các Hiệp định mới được ký kết trong bối cảnh Việt Nam tham gia ngày càng sâu, rộng vào các Hiệp định thương mại tự do (CPTPP, EVTFA, 'RCEP...) nhằm có những sửa đổi, bổ sung mang tính dài hạn đối với Nghị định. | Tiếp thu, BCT đã bổ sung thuyết minh chi tiết về vấn đề này ngoài các tài liệu theo hồ sơ đề nghị xây dựng. Bên cạnh đó, tại văn bản góp ý, Bộ Ngoại giao cũng đã khẳng định sự phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên như CPTPP, EVFTA, RCEP đối với các nội dung mà Bộ KHĐT nêu. |
| Tại phần căn cứ của Nghị định, đề nghị bổ sung “Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020” và “Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020”. | Tiếp thu, bổ sung Luật đầu tư |
| Khoản 5 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung khoản 1 và 2 Điều 24 Nghị định số 52): Đề nghị làm rõ việc thiết lập website thương mại điện tử có bao gồm các page (trang web con) bán hàng hay không. Trong trường hợp không bao gồm thì việc quản lý các tổ chức, thương nhân, cá nhân thiết lập các page bán hàng được thực hiện theo quy định nào | Tiếp thu. Khoản 11 Điều 11 dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 như sau:  2. Các hình thức hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử:  a) Website cho phép người tham gia được mở các gian hàng hoặc lập các *website nhánh* để trưng bày, giới thiệu hàng hóa hoặc dịch vụ;…” |
| Khoản 8 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 30 Nghị định số 52): Đề nghị sửa thành: “... dịch vụ kinh doanh có điều kiện hoặc thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, *người bán hàng phải cung cấp thông tin để website thương mại điện tử đăng tải thông tin tại gian hàng của người bán về* số, ngày cấp, nơi cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện, ....”. | Khoản 2 Điều 30 áp dụng cho website thương mại điện tử bán hàng (chủ sở hữu website đồng thời là người bán trên website) |
| Khoản 9 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 32 Nghị định số 52): Đề nghị làm rõ quy định “Ngôn ngữ thể hiện điều kiện giao dịch chung phải bao gồm tiếng Việt" có nghĩa là bản ghi điều kiện giao dịch chung phải có một phiên bản tiếng Việt hay chỉ cần có một số từ tiếng Việt trong bản ghi điều kiện giao dịch chung. | Nghị định đã quy định rõ |
| Khoản 12 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung Điều 36 Nghị định số 52): Tại nội dung sửa đổi khoản 8 Điều 36, đề nghị làm rõ “cơ quan nhà nước có thẩm quyền” và “căn cứ xác thực” được hiểu và áp dụng như thế nào trong thực tế. | Ban soạn thảo xin giải trình như sau:  Theo quy định của pháp luật thương mại, đầu tư và pháp luật chuyên ngành thì việc phân công quản lý nhà nước của các cơ quan đã được phân định rõ theo từng ngành nghề, hàng hóa, dịch vụ có liên quan. Do vậy, “*cơ quan có thẩm quyề*n” sẽ được xác định theo phân công quản lý nhà nước theo quy định của các pháp luật nói trên.  Đối với nội dung “*căn cứ xác thực*”, mục tiêu của quy định này là việc cho phép chủ thể quyền có quyền phản ánh, khiếu nại đến chủ sàn thương mại điện tử khi nhận thấy quyền của mình bị xâm phạm cũng như trách nhiệm của chủ sàn trong việc tiếp nhận các khiếu nại, phản ánh này. Việc thỏa thuận, xử lý các hành vi xâm phạm quyền là hoạt động giữa hai bên là bên khiếu nại và bên nhận khiếu nại và sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Do vậy, việc xác định “*căn cứ xác thực*” là theo ý chí của các bên trong việc xác định quyền của một bên bị xâm phạm, không phải là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước xử lý, áp đặt. |
| ***Khoản 17 Điều 1 về bổ sung Mục 5 - Hoạt động thương mại điện tử của thương nhân, tổ chức nước ngoài*** | |
| Điều 67a: Đối với khoản 1 và 2 Điều này, hiện tại dự thảo Nghị định đưa ra 02 phương án lựa chọn. Đối với phương án 1, đề nghị làm rõ căn cứ đề xuất 100.000 lượt giao dịch từ Việt Nam trong mỗi năm. Thuyết minh kèm theo mới đưa ra trường hợp của Indonesia với mức 1.000 giao dịch. Đối với phương án 2, đề nghị làm rõ về “một ngưỡng nhất định”, khái niệm “từng thời kỳ” và khả năng thu thập được số liệu chính xác từ 03 căn cứ tính toán lượt giao dịch/truy cập/số đơn hàng được nêu tại thuyết minh. Bên cạnh đó, đề nghị bổ sung đánh giá ưu điểm và nhược điểm của 02 phương án để có căn cứ lựa chọn. | - Ban soạn thảo tiếp thu, giải trình cơ sở đặt ngưỡng 100.000 tại Thuyết minh dự thảo Nghị định.  - Dự thảo cũng quy định rõ căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước tính toán lượt giao dịch hay lượt truy cập, số đơn hàng từ Việt Nam. Trong đó, có 3 căn cứ tính toán chủ yếu sau: (i) Căn cứ ưu tiên là các tổ chức, cá nhân có hoạt động TMĐT xuyên biên giới vào Việt Nam qua hoạt động kinh doanh của mình tự nguyện báo cáo số liệu giao dịch với Việt Nam. Các tổ chức này thường là các tổ chức lớn, có thương hiệu trong khu vực và thế giới, có tính chấp hành pháp luật cao; (ii) Khi các tổ chức, cá nhân không tự nguyện báo cáo, cơ quan quản lý nhà nước có thể thu thập thông tin từ các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan khác như hải quan (quá trình hàng hóa thực hiện thủ tục hải quan), thuế (trong quá trình thu thuế theo quy định của pháp luật về thuế), cơ quan quản lý internet (số lượng truy cập), cơ quan ngân hàng (lượng giao dịch); (iii) Trường hợp các nguồn trên không cung cấp đầy đủ thông tin, cơ quan quản lý nhà nước có thể thu thập được từ các nguồn công khai, uy tín (các báo cáo của tổ chức đánh giá tín nhiệm chuyên ngành toàn cầu như Fitch, S&P, Pew Research Center) hay của các cơ quan quản lý nhà nước sở tại hoặc toàn cầu (Hoa Kỳ, EU, OECD…); hoặc nguồn từ chính các báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán của các tổ chức, doanh nghiệp này phải công khai theo quy định của pháp luật sở tại. |
| Điểm c khoản 3 Điều này, đề nghị làm rõ về “các tổ chức có uy tín được công nhận trên thế giới”. | Các tổ chức có uy tín được công nhận trên thế giới bao gồm: tổ chức đánh giá tín nhiệm chuyên ngành toàn cầu như Fitch, S&P, Pew Research Center) hay các cơ quan quản lý nhà nước sở tại hoặc toàn cầu (Hoa Kỳ, EU, OECD…); hoặc nguồn từ chính các báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán của các tổ chức, doanh nghiệp này phải công khai theo quy định của pháp luật sở tại. |
| Điều 67c: Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài được quy định tại Điều 9 Luật Đầu tư 2020, do đó, đề nghị nghiên cứu xây dựng, các điều kiện tiếp cận thị trường với nhà đầu tư nước ngoài trong hoạt động TMĐT theo các nội dung đã quy định (về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ, hình thức đầu tư, phạm vi hoạt động, năng lực nhà đầu tư, điều kiện khác). Bên cạnh đó, đề nghị xây dựng các tiêu chí cho danh sách công ty công nghệ uy tín hàng đầu trong lĩnh vực thương mại điện tử do Bộ Công Thương công bố định kỳ, thời gian định kỳ là theo quý, nửa năm hay một năm.  Đề nghị làm rõ Giấy phép kinh doanh về hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại điện tử của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là giấy phép riêng hay là nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Bên cạnh đó, cần có đánh giá tác động và quy trình cụ thể của việc cấp giấy phép kinh doanh về hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại điện tử của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | BST xin giải trình như sau:  - Các điều kiện xây dựng tại Dự thảo đều căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Đầu tư như đã giải trình ý kiến Bộ Tư pháp nêu trên.  - Về các tiêu chí cho danh sách công ty công nghệ uy tín trong lĩnh vực thương mại điện tử, các tiêu chí này đều là các tiêu chí thể hiện năng lực tài chính, công nghệ, uy tín quốc tế của nhà đầu tư như giá trị vốn hóa thị trường, giá trị thương hiệu, năng lực công nghệ tiên phong…và Danh sách này sẽ được Bộ Công Thương công bố trên cơ sở những công bố của các tổ chức chuyên ngành, thông tấn, báo chí quốc tế có uy tín (Forbes, Nasdag, NYT, Techcrunch...) và các tiêu chí khác theo chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.  - Nội dung liên quan đến Giấy phép kinh doanh đã được quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ. |
| Theo quy định tại Luật Đầu tư 2020, hoạt động thương mại điện tử là ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, do đó, đề nghị dự thảo Nghị định bổ sung điều kiện đầu tư kinh doanh đối với hoạt động thương mại điện tử theo các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật Đầu tư 2020 để đảm bảo tính công khai, mình bạch, khách quan, tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ của nhà đầu tư khi gia nhập | Tiếp thu. |
| Khoản 19 Điều 1 (sửa đổi bổ sung Điều 80 Nghị định số 52): Đề nghị sửa thành: “Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, chia sẻ dữ liệu với Bộ Công Thương về *các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký ngành nghề thương mại điện tử*". | Tiếp thu, sửa đổi thành “Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, chia sẻ dữ liệu với Bộ Công Thương về *các doanh nghiệp đăng ký ngành nghề kinh doanh thương mại điện tử”* |
| Đề nghị xem xét bổ sung về các hình thức tổ chức hoạt động thương mại điện tử qua mạng xã hội bên cạnh qua website quy định tại Điều 25 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP | Khoản 11 Điều 11 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 về hình thức hoạt động của sàn giao dịch TMĐT, trong đó mạng xã hội mà có tính năng như sàn giao dịch TMĐT sẽ phải tuân thủ các quy định pháp luật như một sàn giao dịch TMĐT |
| 9 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lựa chọn Phương án 1 tại Điều 67a dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, số lượng lượt giao dịch từ Việt Nam trong một năm cần có nghiên cứu, đánh giá để quy định đảm bảo tính khả thi | Tiếp thu |
| 10 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Xem xét, tiếp thu các ý kiến góp ý của Bộ Thông tin và Truyền thông đã gửi Bộ Công Thương tại Công văn 2110/BTTTT-PC ngày 09/6/2020 về việc tham gia ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013. | Tiếp thu |
| Đề nghị bổ sung thêm căn cứ Luật An toàn thông tin mạng vì các hoạt động thương mại điện tử có rủi ro cao về mất an toàn thông tin. Do đó, quy định về bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong hoạt động thương mại điện tử cũng cần được đồng bộ với các quy định bảo đảm an toàn thông tin mạng. | Luật ATTTM không giao Chính phủ quy định cụ thể về an toàn thông tin mạng đối với hoạt động thương mại điện tử. Do đó, Nghị định này sẽ không đi sâu quy định về bảo đảm an toàn, thông tin mạng trong hoạt động TMĐT mà chỉ dẫn chiếu đến các văn bản, chính sách hiện hành về bảo đảm an toàn thông tin.  Tuy nhiên, đối với các hoạt động thương mại điện tử chịu sự điều chỉnh của Luật ATTTM thì thực hiện theo các quy định của pháp luật về ATTTM. |
| Đối với nội dung về hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử tại khoản 16 Điều 1 của dự thảo Nghị định: Đề nghị bổ sung thêm quy định *“kết nối trực tuyến đến hệ thống xác thực điện tử được pháp luật công nhận với mức độ xác thực cao để xác thực các bên tham gia giao dịch”.* | Mục tiêu của khoản 16 Điều 1 dự thảo Nghị định là xây dựng Hệ thống quản lý và tiếp nhận dữ liệu hỗ trợ giải quyết khiếu nại, tranh chấp trực tuyến trong TMĐT. Nghị định không quy định hệ thống xác thực điện tử, vấn đề này nên được quy định tại văn bản về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử |
| Tại khoản 17 Điều 1 của dự thảo Nghị định quy định về điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực thương mại điện tử (Điều 67c): Đề nghị bổ sung tiêu chí cụ thể xác định đối với nội dung *“doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường dịch vụ thương mại điện tử”.* | Doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường dịch vụ thương mại điện tử được xác định căn cứ vào Luật Cạnh tranh và các văn bản hướng dẫn thi hành. Do đó, dự thảo không quy định cụ thể nội dung trên. |
| Tại Điều 4, Nghị định 52/2013/NĐ-CP đề nghị bổ sung hành vi vi phạm các vấn đề về an toàn thông tin trong các hành vi bị cấm trong hoạt động TMĐT, cụ thể là: “Không tuân thủ các quy định về an toàn thông tin”.  Theo đó có thể hai hướng: không chủ động thiết lập các biện pháp, giải pháp đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống phục vụ hoạt động thương mại điện tử hoặc để cho hệ thống bị lợi dụng để tấn công mạng vào người dùng truy cập và sử dụng dịch vụ trong các hoạt động thương mại điện tử. | Việc bổ sung hành vi này vào Điều về Các hành vi bị cấm tại Nghị định này là không phù hợp với các hành vi bị cấm tại Điều 7 Luật an toàn thông tin mạng. |
| Xem xét lại sự phù hợp của quy định thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử có trách nhiệm *“Thay mặt cho thương nhân, tổ chức nước ngoài trên sàn giao dịch thương mại điện tử giải quyết các khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến hàng hóa, dịch vụ do thương nhân nước ngoài cung cấp và có trách nhiệm khai, khấu trừ và nộp thuế nhà thầu theo quy định” (nội dung quy định bổ sung khoản 11 Điều 6 Nghị định 52).*  Lý do: Sàn thương mại điện tử là nơi cung cấp môi trường giao dịch cho người mua và người bán mà không tham gia trực tiếp trong quá trình giao dịch, vận chuyển, xuất nhập khẩu hàng hóa. | Ban Soạn Thảo xin giải trình như sau:  Thực tế hiện nay, các sàn giao dịch TMĐT là một tổ hợp nhiều dịch vụ trong đó ngoài việc cung cấp môi trường giao dịch cho người mua, người bán mà còn cung cấp dịch vụ vận chuyển, xuất nhập khẩu hàng hóa, các dịch vụ phụ trợ có liên quan khác. Các dịch vụ mang tính trọn gói này là lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp và được doanh nghiệp tính phí cho người bán trên sàn. Do vậy, các nội dung này là phù hợp với thực tiễn kinh doanh hiện nay của doanh nghiệp. |
| Bổ sung quy định trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử bán hàng: “Có phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng khi đăng ký hoạt động” (sửa đổi, bổ sung Điều 27 Nghị định 52). | Quy định về an toàn, an ninh trong giao dịch TMĐT đã được quy định cụ thể tại Chương V Nghị định số 52. Đối với các hoạt động TMĐT chịu sự điều chỉnh của Luật ATTTM thì thực hiện theo quy định của pháp luật về ATTTM. |
| Sửa đổi quy định tại khoản 2 điều 51; khoản 2 Điều 54 như sau *“2. Có website với tên miền “.vn” hợp lệ và tuân thủ các quy định về quản lý thông tin trên Internet”.*  Lý do: Theo quy định của Luật Đầu tư sửa đổi 2020, “Hoạt động thương mại điện tử” thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trên môi trường Internet, các Website thương mại điện tử bán hàng; Website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử là công cụ quan trọng phục vụ cho hoạt động thương mại điện tử. Tính xác thực, định danh chủ thể đăng ký sử dụng tên miền là yêu cầu quan trọng để đảm bảo tính chính xác nguồn thông tin cũng như bảo vệ quyền lợi người sử dụng. Đối với công tác quản lý, có thể chủ động can thiệp chấm dứt hành vi vi phạm (ngừng hoạt động, thu hồi tên miền) trường hợp Website được sử dụng cho các hoạt động vi phạm như lừa đảo, giả mạo…Đối với tên miền quốc tế, việc xác thực thông tin chủ thể sử dụng tên miền hầu như không thực hiện được do các doanh nghiệp quốc tế thực hiện che giấu danh tính chủ thể.  Hiện nay, tên miền “.vn” đã được quy định sử dụng trong hầu hết các hoạt động thông tin quan trọng trên Internet như: báo chí, xuất bản, mạng xã hội, trang thông tin điện tử tổng hợp, trang thông tin điện tử/cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. Việc đăng ký, sử dụng tên miền “.vn” thuận tiện, đơn giản và cũng như các tên miền quốc gia khác, tên miền “.vn” có ưu thế về định danh quốc gia trong hoạt động Internet. | Quốc tế không có tiền lệ bắt buộc các doanh nghiệp hoạt động thương mại trên môi trường mạng phải sử dụng tên miền của quốc gia đó. Do đó, việc yêu cầu bắt buộc thương nhân, tổ chức phải sử dụng tên miền tiếng Việt là không khả thi, tạo gánh nặng cho doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh CMCN4.0 và Việt Nam là quốc gia có nhiều cơ hội tăng trưởng trong thị trường bán lẻ. |
| Quy định đối với các trang web thương mại điện tử: bổ sung thêm vào Điều 74 yêu cầu đối với trang web TMĐT có thanh toán trực tuyến. Ví dụ các trang web TMĐT phải được đánh giá, bảo đảm an toàn thông tin định kỳ, tạo cho người dùng phân biệt được trang web có đủ an toàn để thực hiện các giao dịch điện tử, do đó nên bổ sung. | Như đã tiếp thu tại ý trên, Nghị định này không đi sâu quy định về bảo đảm an toàn, thông tin mạng trong hoạt động TMĐT mà chỉ dẫn chiếu đến các văn bản, chính sách hiện hành về bảo đảm an toàn thông tin tại một số điều khoản tương ứng. |
| Điều 67a dự thảo Nghị định: Bộ Thông tin và Truyền thông lựa chọn phương án 2 để bảo đảm tính ổn định của Nghị định, *đồng thời hiệu chỉnh nội dung quy định cụ thể Thương nhân, tổ chức nước ngoài hoạt động thương mại điện tử nếu thông qua việc thiết lập website cần sử dụng tên miền “.vn”*. Tuy nhiên, cân nhắc bổ sung quy định về thời gian định kỳ điều chỉnh (tăng/giảm) số lượt giao dịch/lượt truy cập/số đơn hàng trong một năm (để sàn thương mại chủ động lập kế hoạch đăng ký hoạt động) và giá trị giao dịch mỗi đơn hàng. | Ban soạn thảo tiếp thu, sẽ trình Chính phủ để lụa chọn phương án phù hợp |
| Điều 67a dự thảo Nghị định quy định “*Thương nhân, tổ chức nước ngoài thiết lập website hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam, tại khoản 1 dự kiến bổ sung đối tượng quản lý: Thương nhân, tổ chức nước ngoài thiết lập website hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam là thương nhân, tổ chức có hình thức hoạt động thiết lập website thương mại điện tử dưới tên miền Việt Nam hoặc website thương mại điện tử có ngôn ngữ tiếng việt hoặc thương nhân, tổ chức nước ngoài hoạt động thương mại điện tử thông qua việc thiết lập website dưới tên miền Việt Nam hoặc website có ngôn ngữ tiếng việt”.*  Quy định quản lý này không phù hợp với hiện trạng thực tế hiện nay, cụ thể:  - Có những trang web có chức năng tự động dịch sang tiếng Việt và rất nhiều người Việt Nam tham gia mua hàng như trang aliexpress.com. Như vậy, tổ chức quản lý trang web này có cần đăng ký tại Việt Nam hay không?  - Có một số cá nhân, tổ chức lập website làm phiên bản tiếng việt của trang chính nước ngoài (ví dụ trang fado.vn - trung gian mua hàng của trang amazon), sau đó người dùng lên chọn đồ; cá nhân, tổ chức đó sẽ đứng ra mua hộ người dùng và lấy tiền ship và tiền mua đồ. Các giao dịch của người dùng và những trang web này cũng chưa có quy định quản lý.  Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách quản lý thương mại điện tử cho phù hợp với hiện trạng hiện nay. | Tiếp thu.  Bổ sung khái niệm “website TMĐT có ngôn ngữ tiếng Việt” tại phần giải thích từ ngữ.  Khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định đối với thương nhân, tổ chức thiết lập website TMĐT để tiến hành hoạt động trung gian thương mại là thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ TMĐT. Do đó, các website TMĐT như fado, theo quy định tại Nghị định sẽ được coi là sàn giao dịch TMĐT. |
| Tại Điều 34 Nghị định 52:  Bổ sung thêm tại khoản 2 Điều 34 quy định *“Nếu website thương mại điện tử có chức năng thanh toán trực tuyến, thương nhân, tổ chức, cá nhân phải thiết lập cơ chế để khách hàng sử dụng chức năng này được rà soát và xác nhận thông tin chi tiết về từng giao dịch thanh toán trước khi thực hiện việc thanh toán và thiết lập cơ chế cho phép khách hàng lựa chọn phương thức thanh toán đảm bảo”.*  Lý do: đồng bộ với quy định bổ sung khoản 4 Điều 74 dự thảo Nghị định. | Tiếp thu, chỉnh sửa khoản 4 Điều 74 để áp dụng chung cho cả website TMĐT bán hàng và website cung cấp dịch vụ TMĐT, cụ thể: “Thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử có chức năng thanh toán trực tuyến phải cho phép khách hàng lựa chọn hình thức thanh toán đảm bảo.” |
| Bổ sung thêm *“an toàn thông tin mạng”* vào điểm b khoản 2 Điều 80 (khoản 19 Điều 1 dự thảo sửa đổ, bổ sung Nghị định số 52/2013/NĐ-CP). | Nội dung dự thảo Nghị định không quy định cụ thể về lĩnh vực ATTTM, do đó, không cần thiết phải bổ sung ATTM trong phần tổ chức, thực hiện của Bộ TTTT. |
| Hiện nay, Bộ Thông tin và Truyền thông đang trong quá trình hoàn tất việc trình ký và ban hành Nghị định định danh và xác thực điện tử, trong đó sẽ mở rộng phạm vi không chỉ các giao dịch điện tử với cơ quan nhà nước. Đề nghị, cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, nghiên cứu bổ sung quy định về định danh và xác thực điện tử để đồng bộ trong công tác thực thi. | Xác thực, định danh điện tử là các nội dung rộng, không chỉ áp dụng trong lĩnh vực TMĐT, mà còn áp dụng trong tài chính, ngân hàng, bảo hiểm… Do đó, không thích hợp để đưa vào dự thảo Nghị định. Vấn đề này nên được quy định tại dự thảo Nghị định mà Bộ TTTT đang chủ trì soạn thảo |
| Về trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông tại khoản 19 Điều 1 của Dự thảo Nghị định: Đề nghị bổ sung thêm nội dung *“Chủ trì hướng dẫn các yêu cầu kỹ thuật xác thực điện tử cần thiết để thương nhân, tổ chức tham gia hoạt động thương mại điện tử được đảm bảo an toàn trên môi trường điện tử”.* | Mỗi website/ứng dụng có cách xác thực điện tử khác nhau. Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung cũng không quy định về việc xác thực điện tử, do đó không cần thiết phải bổ sung trách nhiệm hướng dẫn về vấn đề này. |
| 11 | Bộ Ngoại giao | Tại Điều 67a, đề nghị đánh giá thêm về ưu, nhược điểm của từng phương án, dự báo về khả năng và thời gian phải điều chỉnh mức ngưỡng số lượng giao dịch/năm để từ đó kiến nghị phương án phù hợp. | Tiếp thu |
| Tại Điều 67c về điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực thương mại điện tử, đề nghị cân nhắc sự cần thiết của tiêu chí tại điểm b, khoản 2 theo đó chỉ có nhà đầu tư nước ngoài thuộc danh sách các công ty công nghệ uy tín toàn cầu trong lĩnh vực thương mại điện tử mới dược tiếp cận thị trường thương mại điện tử tại Việt Nam. Tiêu chí nảy sẽ hạn chế các doanh nghiệp Việt Nam được tiếp cận nguồn vốn đầu tư nước ngoài từ các cá nhân, pháp nhân khác, qua đó ảnh hưởng tiêu cực dến các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực này. | Ban soạn thảo tiếp thu theo hướng bổ sung nội dung sau vào Điều 67c:  “*Nhà đầu tư có hoạt động đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vửa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa không phải thực hiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều này*”. |
| Tại Điều 67, Nghị định dự kiến bổ sung “quy định các trường hợp loại trừ của nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào tổ chức kinh tế là doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo” (theo giải trình tại Mục 2.7, trang 14 dự thảo Tờ trình Chính phủ) nhưng quy định này chưa được thể hiện trong dư thảo Nghị định. Do đó, đề nghị Quý Bộ tiếp tục bổ sung, hoàn thiện nội dung trên tại Điều 67. | Tiếp thu như trên. |
| Về dự thảo Tờ trình Chính phủ  - Tại Phẩn l về sự cần thiết ban hành Nghị định, đề nghị Quý Bộ cân nhắc bộ sung nội dung đánh giá tính tương thích của dự thảo Nghị dịnh với các cam kết quốc tế của ta liên quan dến thương mại điện tử theo WTO, Hiêp định Thương mại điện tử ASEAN và một số FTA có quy định về thương mại điện tử (như Chương 14 - CPTPP, Phần F - Chương 8 EVFTA, Chương 10 FTA ASEAN - Úc — New Zealand v.v.), Theo rà soát sơ bộ của Bộ Ngoại giao, ngoại trừ Chương 14 của CPTPP đa số các cam kết của Việt Nam về thương mại điện tử đều là cam kết “mềm”, theo đó quốc gia ít bị hạn chế trong việc áp dụng các biện pháp quản lý hoạt động thương mại diên tử trên lãnh thổ của mình. | Tiếp thu |
| Tại Mục 2.6, trang 13 dự thảo Tờ trình về sửa đổi, bổ sung quy định đối với quản lý hoat động thương mại điện tử trên mạng xã hội (Điều 35), để nghị Quý Bộ cân nhắc giải trình thêm về tác động dự kiến cũng như tính khả thi của việc quản lý mạng xã hội tương tự như sản giao dịch thương mại điện tử trên cơ sở ý kiến của các mạng xã hội lớn tai Việt Nam. | Tiếp thu |
| 12 | Bộ Giao thông vận tải | Đề nghị nghiên cứu bổ sung khái niệm, quy định đối với Phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải, đơn vị cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải.  Lý do: Hiện nay, trong nội dung quy định của Nghị định số 10/2020/NĐ- CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ đã có nội dung về: (1) Phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải (khoản 19 Điều 3 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP); (2) Đơn vị cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải (Điều 35 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP); trong nội dung dự thảo Luật GTĐB (sửa đổi) cũng đã có khái niệm phần mềm ứng dụng, nhưng trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của CP về thương mại điện tử mới chỉ có khái niệm về website chứ chưa có định nghĩa về phần mềm ứng dụng. Hơn nữa trong thực tế, nhiều thương nhân, tổ chức, doanh nghiệp chỉ có phần mềm ứng dụng chứ không có website hoạt động thương mại điện tử, nên việc thiếu khái niệm này có thể gây ra hiểu lầm.  Vì vậy, Bộ GTVT đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, bổ sung khái niệm, quy định đối với Phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải, đơn vị cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải vào Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của CP cho thống nhất với quy định của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP. | Tiếp thu. Các phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải chiếu theo Nghị định 52 là website/ứng dụng TMĐT. Do đó, các phần mềm nay tương ứng với chức năng vận hành sẽ phải thực hiện thủ tục thông báo hoặc đăng ký website/ứng dụng TMĐT với Bộ Công Thương. |
| Đối với việc bổ sung “điều 67a: Thương nhân, tổ chức nước ngoài thiết lập Website hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam”, Bộ GTVT đề xuất xem xét lựa chọn phương án 1 với quy định cụ thể về lượt giao dịch, tuy nhiên đề nghị Bộ Công Thương xem xét, cân nhắc kỹ cơ sở đưa ra con số 100.000 lượt giao dịch để đảm bảo con số quy định đó phù hợp với điều kiện thực tế. | BST sẽ trình Chính phủ xem xét, quyết định |
| Đối với Điều 67c về Điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực dịch vụ thương mại điện tử, đề nghị Bộ Công Thương làm rõ các điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư tại thị trường Việt Nam. | BST xin giải trình như sau: Các điều kiện tiếp cận thị trường tại Điều 67c được xây dựng căn cứ trên cơ sở các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Đầu tư 2020 theo đó bao gồm hình thức đầu tư (điểm a khoản 2); năng lực nhà đầu tư, đối tác đầu tư (điểm b khoản 2); và điều kiện về an ninh (điểm c khoản 2). |
| 13 | Bộ Công An | Bổ sung căn cứ ban hành Nghị định là Luật Đầu tư năm 2020 vì nội dung sửa đổi, bổ sung của dự thảo Nghị định có quy định về đầu tư, kinh doanh theo quy định của pháp luật đầu tư (khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi khoản 4 Điều 26 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP). Đồng thời, bổ sung căn cứ là Luật An toàn thông tin, Luật An ninh mạng vì hoạt động thương mại điện tử là hoạt động thương mại được diễn ra trên không gian mạng, việc quản lý hoạt động thương mại điện tử cần tính đến bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong hoạt động thương mại điện tử theo quy định của các luật nêu trên. | - Đã bổ sung Luật Đầu tư vào căn cứ.  - Luật ATTTM và ANM không giao Chính phủ quy định cụ thể về an toàn thông tin mạng đối với hoạt động thương mại điện tử. Do đó, Nghị định này sẽ không đi sâu quy định về bảo đảm an toàn, thông tin mạng trong hoạt động TMĐT mà chỉ dẫn chiếu đến các văn bản, chính sách hiện hành về bảo đảm an toàn thông tin.  Tuy nhiên, đối với các hoạt động thương mại điện tử chịu sự điều chỉnh của Luật ATTTM và ANM thì thực hiện theo các quy định của pháp luật về ATTTM và ANM. |
| Bổ sung quy định sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về đối tượng áp dụng là thương nhân người nước ngoài theo hướng bổ sung thương nhân, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa theo quy chế hoạt động của thương mại điện tử Việt Nam để bảo đảm thống nhất với những nội dung sửa đổi, bổ sung khác có liên quan đến thương nhân, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại dự thảo Nghị định. | Điều 67a dự thảo Nghị định điều chỉnh thương nhân, tổ chức nước ngoài thiết lập website TMĐT, Điều 67b điều chỉnh thương nhân, tổ chức nước ngoài bán trên sàn giao dịch TMĐT. Do đó, dự thảo Nghị định không điều chỉnh đối tượng là “cá nhân nước ngoài”. |
| Bổ sung quy định sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về các hành vi vi phạm khác bị cấm trong thương mại điện tử theo hướng bao gồm hành vi: lợi dụng hoạt động thương mại điện tử để thu thập thông tin phục vụ mục đích trái quy định của pháp luật; thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng trong hoạt động thương mại điện tử. | Việc bổ sung hành vi này vào Điều về Các hành vi bị cấm tại Nghị định này là không phù hợp với các hành vi bị cấm tại Điều 7 Luật an toàn thông tin mạng. |
| Bổ sung quy định sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP nội dung quản lý nhà nước về thương mại điện tử theo hướng bao gồm bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong hoạt động thương mại điện tử. | Luật ATTTM, ANM không giao Chính phủ quy định cụ thể về an toàn thông tin mạng đối với hoạt động thương mại điện tử. Do đó, Nghị định này sẽ không đi sâu quy định về bảo đảm an toàn, thông tin mạng trong hoạt động TMĐT mà chỉ dẫn chiếu đến các văn bản, chính sách hiện hành về bảo đảm an toàn thông tin.  Tuy nhiên, đối với các hoạt động thương mại điện tử chịu sự điều chỉnh của Luật ATTTM, ANM thì thực hiện theo các quy định của pháp luật về ATTTM, ANM. |
| Chỉnh lý điểm a khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về hành vi cấm lợi dụng hoạt động thương mại điện tử để kinh doanh theo phương thức đa cấp theo hướng không chỉ cấm lợi dụng hoạt động này để kinh doanh đa cấp khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp mà để kinh doanh đa cấp bất hợp pháp, vi phạm pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp cho đầy đủ hơn. | Dự thảo đã quy định việc cấm lợi dụng TMĐT để kinh doanh đa cấp khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký là đã nhắm đến hoạt động kinh doanh đa cấp bất hợp pháp. Do đó, đối với các hành vi vi phạm pháp luật của các doanh nghiệp kinh doanh đa cấp đã được cấp giấy phép thì các hành vi đó được xử lý theo quy định pháp luật về kinh doanh đa cấp. |
| Bổ sung vào khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 24 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về các tổ chức, thương nhân không phải hoạt động thương mại điện tử là tổ chức, cá nhân cung cấp các ứng dụng marketplace, cung cấp trang mạng xã hội... | Khoản 5 Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau: *“5. Các thương nhân, tổ chức cung cấp hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ logistics và các dịch vụ hỗ trợ khác cho hoạt động thương mại điện tử.”* |
| Bổ sung quy định sửa đổi, bổ sung Điều 25 dự thảo Nghị định về hình thức thương mại điện tử theo hướng bổ sung các hình thức thương mại điện tử mới trong giai đoạn hiện nay (mạng xã hội, nhóm...) và bổ sung quy định cụ thể về phương thức hoạt động của các hình thức thương mại điện tử này. | Tiếp thu và chỉnh sửa điểm d khoản 2 Điều 25 như sau *“d) Mạng xã hội có một trong các hình thức hoạt động quy định tại điểm a, b, c khoản này và người tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp trả phí cho việc thực hiện các hoạt động trên.”* |
| Bổ sung vào khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 27 quy định trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử bán hàng áp dụng các biện pháp hiệu quả để nhận biết, xác định và xác minh danh tính khách hàng để ngăn chặn các trường hợp nặc danh, mạo danh trong giao dịch điện tử. | Dự thảo Nghị định đang quy định theo hướng tăng cường quản lý nhà nước đối với đối tượng là các đơn vị cung cấp dịch vụ TMĐT là các sàn. Do vậy, trách nhiệm của các sàn TMĐT là phải xác minh thông tin người bán nhằm bảo vệ tối đa quyền lợi của người tiêu dùng. Do vậy, việc xác minh danh tính người mua không được điều chỉnh tại Nghị định này. |
| Bổ sung quy định sửa đổi, bổ sung Mục 2 Chương III Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử theo hướng bên cạnh trách nhiệm đã quy định tại dự thảo Nghị định, doanh nghiệp cung cấp hình thức thương mại điện tử, người sử dụng thương mại điện tử thực hiện các trách nhiệm theo quy định của pháp luật về an ninh mạng. | - Luật ATTTM, Luật ANM không giao Chính phủ quy định cụ thể về an toàn thông tin mạng đối với hoạt động thương mại điện tử. Do đó, Nghị định này sẽ không đi sâu quy định về bảo đảm an toàn, thông tin mạng trong hoạt động TMĐT mà chỉ dẫn chiếu đến các văn bản, chính sách hiện hành về bảo đảm an toàn thông tin.  Tuy nhiên, đối với các hoạt động thương mại điện tử chịu sự điều chỉnh của Luật ATTTM, Luật ANM thì thực hiện theo các quy định của pháp luật về ATTTM, Luật ANM. |
| Tại khoản 17 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 67a về thương nhân, tổ chức nước ngoài thiết lập website hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam, đề nghị chọn phương án 2 giao để linh hoạt và phù hợp với tính đa dạng của hoạt động thương mại điện tử trong các lĩnh vực, ngành, nghề ở các giai đoạn khác nhau. | Ban soạn thảo sẽ trình Chính phủ xem xét, quyết định |
| Bổ sung quy định sửa đổi, bổ sung Điều 78 của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về xử lý vi phạm hành chính trong thương mại điện tử theo hướng bổ sung vi phạm về an toàn thông tin, an ninh mạng trong thương mại điện tử. | - Luật ATTTM, Luật ANM không giao Chính phủ quy định cụ thể về an toàn thông tin mạng đối với hoạt động thương mại điện tử. Do đó, Nghị định này sẽ không đi sâu quy định về bảo đảm an toàn, thông tin mạng trong hoạt động TMĐT mà chỉ dẫn chiếu đến các văn bản, chính sách hiện hành về bảo đảm an toàn thông tin.  Tuy nhiên, đối với các hoạt động thương mại điện tử chịu sự điều chỉnh của Luật ATTTM, Luật ANM thì thực hiện theo các quy định của pháp luật về ATTTM, Luật ANM. |
| Chỉnh lý quy định tại khoản 19 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 80 của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về trách nhiệm của Bộ Công thương theo hướng phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ ngành khác có liên quan trong bảo vệ an ninh mạng đối với toàn bộ hoạt động thương mại điện tử (thay vì chỉ đối với hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại điện tử của tổ chứ, cá nhân nước ngoài như dự thảo Nghị định). | Tiếp thu |
|  | Ngoài quy định quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử giao cho Bộ Tài chính chủ trì tại điểm a khoản 5 Điều 1 Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, Quyết định số 431 giao Bộ Công thương chính sách quản lý các giao dịch trong hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, giao dịch qua biên giới. Vì vậy, nghiên cứu, bổ sung quy định đối với nội dung này (ví dụ quy định xác định hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử, giải quyết tranh chấp, phối hợp giữa các cơ quan...). | Hồ sơ xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua TMĐT đã được Bộ Tài chính trình CP. Do vậy, nội dung này sẽ được xây dựng tại dự thảo Nghị định có liên quan. |
| 14 | Phòng Thương mại  và Công nghiệp Việt Nam | Về phân loại quản lý hoạt động thương mại điện tử:  Hiện nay, nội dung quản lý hoạt động thương mại điện tử với các nhóm doanh nghiệp có quy mô nhỏ, doanh nghiệp start up còn mang tính hành chính bằng các thủ tục thông báo, cấp phép, cụ thể:  - Thủ tục thông báo với website thương mại điện tử bán hàng;  - Thủ tục cấp phép với sàn thương mại điện tử có quy mô nhỏ;  Cách thức quản lý như vậy với các doanh nghiệp nhỏ là chưa hợp lý, khiến các doanh nghiệp này bị quản lý quá chặt, tạo ra gánh nặng tuân thủ lớn. Vấn đề này đã được trình bày đầy đủ tại Công văn 1199/PTM-PC ngày 28/07/2020 của VCCI gửi đến Quý Cơ quan. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc. | Thủ tục thông báo/đăng ký website là thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4, thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử, chủ thể thực hiện thủ tục không phải gặp mặt trực tiếp cơ quan quản lý chức năng; thông tin thực hiện thủ tục hành chính công khai, minh bạch, công bằng với doanh nghiệp kinh doanh chân chính.  Mặt khác, về thủ tục ***thông báo*** đối với website TMĐT bán hàng; hiện nay, nội dung dự thảo Nghị định đã được điều chỉnh theo hướng chỉ các website TMĐT bán hàng có chức năng đặt hàng trực tuyến mới phải thông báo với Bộ Công Thương. Việc giảm thiểu đối tượng thực hiện thủ tục hành chính như dự thảo hiện nay, đã giảm bớt 49% đối tượng thực hiện so với Nghị định 52.  - Về thủ tục ***đăng ký,*** sàn giao dịch TMĐT là mô hình hoạt động có ít nhất 03 bên tham gia, mối liên hệ giữa các chủ thể phức tạp, mô hình hoạt động đa dạng theo đặc thù hoạt động và chính sách của từng sàn. Do đó, cần thiết để các chủ thể này thực hiện đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo môi trường cạnh tranh minh bạch, đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng trong quá trình giao dịch, cũng như kiểm soát thông tin hàng hóa, dịch vụ bán trên sàn giao dịch TMĐT. |
| Về phạm vi điều chỉnh:  VCCI đánh giá cao cơ quan soạn thảo đã có quy định loại trừ điều chỉnh với các giao dịch điện tử đã được quy định tại pháp luật chuyên ngành, nhằm đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật. Tuy nhiên, quy định này có phần chưa hợp lý do các văn bản pháp luật chuyên ngành không bao quát đủ những nội dung liên quan đến giao dịch điện tử, chẳng hạn như vấn đề giao kết hợp đồng trong thương mại điện tử hay thanh toán trực tuyến. Do vậy, để tránh tạo khoảng trống pháp lý, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi quy định này theo hướng những nội dung đã được quy định tại pháp luật chuyên ngành thì áp dụng theo pháp luật chuyên ngành, còn lại điều chỉnh theo Nghị định này. | Hiện nay, các lĩnh vực chuyên ngành như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán đã có những quy định riêng về giao dịch điện tử như: Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2018 về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính; Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2017 hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán; Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng.  Do đó, việc loại trừ như phạm vi điều chỉnh là cần thiết, tránh chồng chéo trong quản lý giữa các Bộ, ngành |
| Về hoạt động thương mại điện tử của thương nhân trung gian thương mại:  Điều 1.5 Dự thảo (sửa đổi Điều 24.2 Nghị định 52/2013/NĐ-CP) quy định các thương nhân thiết lập website thương mại điện tử để tiến hành hoạt động trung gian thương mại cũng được coi là thương nhân cung cấp dịch vụ thương mại điện tử. Tuy nhiên, quy định này cần được xem xét ở các điểm sau:  Thứ nhất, cách quy định như vậy còn tương đối chung chung, dẫn đến nguy cơ trùng lặp với các quy định của Nghị định 52 hiện hành, chẳng hạn:  - Trùng lặp với nội hàm của sàn thương mại điện tử, chẳng hạn các website cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, trong đó cho phép người dùng đăng tải lên website đó hàng hóa (nhà, đất…) đã được coi là sàn thương mại điện tử theo định nghĩa hiện hành tại Nghị định 52, và do đó đã được điều chỉnh như một sàn thương mại điện tử;  - Trùng lặp với nội hàm của website thương mại điện tử bán hàng, chẳng hạn các đơn vị cung cấp dịch vụ đại lý vé máy bay chỉ cung cấp các dịch vụ liên quan đến vé máy bay (mua hộ, đổi tên hộ…) được thực hiện bởi chính đơn vị đó chứ không phải do các hãng hàng không tiến hành thực hiện trên nền tảng của các đơn vị này, và do đó chỉ nên được coi là người sở hữu website thương mại điện tử theo Điều 24.1 Nghị định 52;  Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi quy định theo hướng liệt kê rõ các hoạt động thương mại cần điều chỉnh.  Thứ hai, Dự thảo chưa làm rõ các website thương mại điện tử của thương nhân hoạt động trung gian thương mại này sẽ thuộc hình thức tổ chức nào theo Điều 25.2 Nghị định 52, và từ đó sẽ chịu sự điều chỉnh của các quy định nào trong Nghị định này. Do vây, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định làm rõ vấn đề này. | Tiếp thu, không sử dụng “hoạt động trung gian”, theo đó khoản 2 Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau:  *“2. Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử”*  *Bổ sung khái niệm “dịch vụ thương mại điện tử” tại khoản 16 Điều 3 như sau:*  *“Dịch vụ thương mại điện tử là hoạt động thương mại theo đó thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử thiết lập website thương mại điện tử để cung cấp môi trường cho thương nhân, tổ chức, cá nhân khác tiến hành hoạt động bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ.*  *Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử không bao gồm các thương nhân, tổ chức chỉ thực hiện cung cấp dịch vụ thiết kế website và không tham gia trực tiếp vào hoạt động kinh doanh, điều hành hoặc điều phối các hoạt động trên website đó”.* |
| Về thông tin về hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện:  Điều 1.8 Dự thảo (sửa đổi Điều 30 Nghị định 52/2013/NĐ-CP) quy định về công bố thông tin với các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện hoặc thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh. Không rõ Danh mục hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện mà cơ quan soạn thảo đề cập có phải là Phụ lục III Nghị định 59/2006/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thương mại? Nếu đúng như vậy, các quy định tại Nghị định này hiện đã khá cũ và không được sửa đổi, cập nhật theo sự thay đổi về điều kiện kinh doanh của các văn bản pháp luật khác.  Hiện nay, việc kiểm soát chất lượng hàng hóa, dịch vụ được thực hiện dưới hai hình thức: (i) kiểm soát điều kiện của chủ thể kinh doanh và (ii) kiểm soát chất lượng của sản phẩm (chủ yếu là hàng hóa) qua các quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng. Với nhóm (i), Danh mục này được quy định tại Phụ lục của Luật Đầu tư, và được quy định chi tiết bởi các Nghị định chuyên ngành. Với nhóm (ii), những nội dung này được quy định rải rác ở rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật (thường ở các thông tư ban hành quy chuẩn chất lượng) và thường xuyên thay đổi. Khi đó, có hai vấn đề cần được xem xét như sau:  Thứ nhất, cách quy định theo hướng bắt buộc tất cả các thương nhân kinh doanh thương mại điện tử cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện sẽ tạo ra gánh nặng tuân thủ rất lớn cho các thương nhân buôn bán. Nhiều thương nhân chỉ thực hiện kinh doanh (tức nhập hàng về bán, từ người sản xuất hoặc đơn vị trung gian), và do đó gặp khó khăn trong việc thu thập các tài liệu này, đặc biệt là với các doanh nghiệp nhỏ, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh. Ngoài ra, quá trình giao dịch, về bản chất, là việc thuận mua vừa bán, do vậy điều quan trọng hơn cả là người tiêu dùng có thể tự cân nhắc và lựa chọn khi ra quyết định mua hàng dựa trên các thông tin được cung cấp.  Việc này có thể được thực hiện thông qua việc: (i) cho phép thương nhân bán hàng được lựa chọn đăng tải hoặc không đăng tải các giấy tờ lên; (ii) yêu cầu các sàn thương mại điện tử hoặc mạng xã hội phải thực hiện các giải pháp (dán nhãn, cảnh báo) nhằm giúp người mua phân biệt được hàng hóa, dịch vụ đó phải có giấy tờ, hồ sơ chứng minh về chất lượng, và việc người bán có hay không có các giấy tờ, tài liệu này.  Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi quy định theo hướng trên.  Thứ hai, như đã phân tích ở trên, các quy định về hàng hóa, dịch vụ có điều kiện rất đa dạng, nằm rải rác ở nhiều văn bản khác nhau và thường xuyên thay đổi. Theo phản ánh của doanh nghiệp, việc này sẽ có thể khiến các sàn thương mại điện tử hoặc mạng xã hội gặp khó khăn và tăng nặng chi phí tuân thủ trong việc tập hợp, hệ thống và cập nhật những mặt hàng nào cần hợp chuẩn, hợp quy và cụ thể các mẫu giấy tờ này sẽ thế nào. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan nhà nước quản lý thương mại thường xuyên cập nhật danh sách các loại hàng hóa, dịch vụ cần đáp ứng yêu cầu chất lượng và hồ sơ chứng minh, cung cấp để các doanh nghiệp thuận tiện trong việc đáp ứng. | Điều 25 Luật Thương mại có quy định về hàng hóa cấm kinh doanh, hàng hóa hạn chế kinh doanh, hàng hóa kinh doanh có điều kiện. Phụ lục IV Luật Đầu tư 2020 có quy định về danh mục các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Theo đó, tại Luật Đầu tư 2020 thì nội dung về về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh (Điều 6) không bãi bỏ Điều 25 của Luật Thương mại, do vậy dự thảo đang quy định theo hướng tuân thủ các Luật hiện hành về nội dung này.  - Thứ nhất, khi kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có điều kiện và kinh doanh ngành nghề có điều kiện thì các thương nhân phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.  - Thứ hai, trong thực tế đa số lĩnh vực kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có điều kiện đã có quy định về minh bạch thông tin, niêm yết Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện, văn bản xác nhận, hoặc các hình thức văn bản khác.  - Thứ ba, việc niêm yết, minh bạch thông tin các loại giấy phép, giấy chứng nhận này nhằm bảo vệ các thương nhân kinh doanh chân chính khi đã đầu tư, duy trì hoạt động theo các điều kiện mà pháp luật quy định.  - Thứ tư, Luật Đầu tư đã có danh mục về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Các điều kiện cho từng ngành, nghề được công bố công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Do đó, doanh nghiệp hoàn toàn có thể dễ dàng tìm hiểu thông tin về các quy định về điều kiện kinh doanh trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. |
| Về trách nhiệm của sàn thương mại điện tử:  Điều 1.12 Dự thảo (sửa đổi Điều 36 Nghị định 52/2013/NĐ-CP) sửa đổi, bổ sung một số trách nhiệm của sàn thương mại điện tử. Một số quy định cần được xem xét, cụ thể như sau:  Thứ nhất, một số quy định về trách nhiệm của sàn thương mại điện tử chưa rõ ràng, cụ thể:  - Trách nhiệm phối hợp với các chủ thể, cơ quan về sở hữu trí tuệ trong việc gỡ bỏ các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;  - Trách nhiệm tham gia giải quyết khiếu nai, phản ánh và các tranh chấp từ doanh nghiệp và người tiêu dùng;  - Trách nhiệm cung cấp thông tin về đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật;  Không rõ doanh nghiệp thực hiện các hành vi như thế nào được coi là đã thực hiện trách nhiệm “phối hợp”, “tham gia giải quyết” hay doanh nghiệp cần cung cấp các thông tin như thế nào? Cách quy định không rõ ràng như vậy có thể gây khó khăn cho các sàn thương mại điện tử trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình, đặc biệt khi Điều 1.12.b Dự thảo quy định sàn phải liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp không thực hiện các nghĩa vụ này.  Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định làm rõ các quy định trên.  Thứ hai, Dự thảo quy định sàn phải có trách nhiệm cung cấp công cụ hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước tra cứu, định danh người bán. Như đã đề cập tại Công văn 1199/PTM-PC ngày 28/07/2020, quy định này chưa phù hợp do việc thiết kế và vận hành một công cụ riêng chỉ để phục vụ mục đích tra cứu thông tin sẽ gây ra những gánh nặng rất lớn về chi phí và nhân lực cho doanh nghiệp. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ quy định này. Thay vào đó, cơ quan nhà nước có thể yêu cầu doanh nghiệp cung cấp các thông tin cần thiết để phục vụ công tác quản lý của mình | - Về việc gỡ bỏ các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ: “*Phối hợp với các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ gỡ bỏ các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ khi có căn cứ xác thực.”* Mục tiêu của quy định này là việc cho phép chủ thể quyền có quyền phản ánh, khiếu nại đến chủ sàn thương mại điện tử khi nhận thấy quyền của mình bị xâm phạm cũng như trách nhiệm của chủ sàn trong việc tiếp nhận các khiếu nại, phản ánh này. Việc thỏa thuận, xử lý các hành vi xâm phạm quyền là hoạt động giữa hai bên là bên khiếu nại và bên nhận khiếu nại và thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Thực tế thời gian qua cho thấy, khi chủ thể sở hữu hợp pháp quyền SHTT của sản phẩm hàng hóa có yêu cầu phối hợp với các sàn trong việc gỡ bỏ các sản phẩm mà xâm phạm quyền của mình thì không được một số chủ sàn hỗ trợ. Do vậy, việc quy định như dự thảo đảm bảo 2 bên có trách nhiệm cùng nhau giải quyết, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định của pháp luật.  - Về trách nhiệm tham gia giải quyết khiếu nại, phản ánh và tranh chấp liên quan đến sàn giao dịch TMĐT được thực hiện tại Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT của Bộ Công Thương tại địa chỉ www.online.gov.vn;  - Về trách nhiệm cung cấp thông tin về đối tượng có dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật trên sàn giao dịch TMĐT cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền: tùy thuộc vào từng trường hợp, cơ quan quản lý sẽ có yêu cầu sàn giao dịch TMĐT cung cấp các trường thông tin cụ thể về người bán trên sàn  - Việc yêu cầu sàn cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước công cụ tra cứu các thông tin liên quan tới người bán để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo là cần thiết do quản lý hoạt động TMĐT trên các sàn giao dịch TMĐT có thanh toán trực tuyến phức tạp hơn khi việc đặt mua và thanh toán hàng hoá, dịch vụ thực hiện trực tiếp thông qua website. Công cụ tra cứu giúp cơ quan chức năng có thể tra cứu ngay lập tức thông tin cần thiết về người bán, về giao dịch để tiến hành các biện pháp nghiệp vụ cần thiết điều tra, theo dõi hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật. |
| Về phân loại quản lý thương mại điện tử với mạng xã hội  Điều 1.11 Dự thảo (sửa đổi Điều 35.2 Nghị định 52/2013/NĐ-CP) bổ sung quy định quản lý các mạng xã hội có một số đặc tính nhất định. Tuy nhiên, quy định này là quá rộng và không rõ ràng, chẳng hạn:  - Với đặc tính “có chuyên mục mua bán” (mà không kèm theo các chức năng khác): quy định này bao gồm cả các mục rao vặt trên các diễn đàn sở thích.  - Với đặc tính cho phép người tham gia mở các gian hàng để trưng bày, giới thiệu hàng hoá, dịch vụ: quy định này bao gồm cả các mạng xã hội thông thường, vì chức năng mở trang cá nhân hoàn toàn có thể được sử dụng như một gian hàng để trưng bày, giới thiệu hàng hoá, dịch vụ.  Khi đó, kể cả những diễn đàn hay mạng xã hội hoàn toàn không có chức năng riêng hỗ trợ hoạt động thương mại điện tử cũng sẽ thuộc diện điều chỉnh của Nghị định. Việc yêu cầu các diễn đàn, mạng xã hội này phải xin phép như một sàn thương mại điện tử và phải có các nghĩa vụ, trách nhiệm tương ứng là không phù hợp.  Có thể thấy rằng, điểm khác biệt giữa mạng xã hội có hỗ trợ hoạt động thương mại điện tử và mạng xã hội không có là chức năng phân loại trường dữ liệu:  - Với các mạng xã hội không hỗ trợ thương mại điện tử, người dùng đơn giản là sử dụng các chức năng có sẵn (post, thread, comment), và các trường dữ liệu có sẵn (text) để thực hiện hoạt động thương mại điện tử;  - Với các mạng xã hội có hỗ trợ thương mại điện tử, thường xuất hiện các trường thông tin đặc trưng hỗ trợ hoạt động thương mại (chẳng hạn như trường thông tin về giá cả); hoặc các chức năng đặc trưng (như so sánh, giới thiệu mặt hàng tương tự, đánh giá, cho điểm sản phẩm);  Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi quy định trên theo hướng chỉ quản lý các quy định về thương mại điện tử với các mạng xã hội có thể hiện các trường dữ liệu đặc trưng hoặc có chức năng cho việc bán hàng như đã nêu ở trên. | Tiếp thu, đã chỉnh sửa khoản 2 Điều 35 Nghị định 52 như sau:  *”2. Các hình thức hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử:*  *a) Website cho phép người tham gia được mở các gian hàng để trưng bày, giới thiệu hàng hóa hoặc dịch vụ;*  *b) Website cho phép người tham gia được mở tài khoản để thực hiện quá trình giao kết hợp đồng với khách hàng;*  *c) Website có chuyên mục mua bán, trên đó cho phép người tham gia đăng tin mua bán hàng hóa và dịch vụ;*  *d) Mạng xã hội có một trong các hình thức hoạt động quy định tại điểm a, b, c khoản này* ***và người tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp trả phí cho việc thực hiện các hoạt động trên****.”* |
| Về phương thức quản lý với mạng xã hội  Điều 1.11 Dự thảo (sửa đổi Điều 35.2 Nghị định 52/2013/NĐ-CP) dự tính quản lý các mạng xã hội có hoạt động thương mại điện tử như quản lý một sàn thương mại điện tử. Như vậy, các mạng xã hội sẽ phải thực hiện: (i) thủ tục đăng ký thiết lập website thương mại điện tử; (ii) thu thập thông tin người bán. Các nghĩa vụ này là không thực sự cần thiết và tạo gánh nặng tuân thủ lớn cho các doanh nghiệp. Vấn đề này đã được trình bày cụ thể tại Công văn 1199/PTM-PC ngày 28/07/2020. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định những biện pháp quản lý đặc thù với các mạng xã hội không có chức năng đặt hàng trực tuyến, cụ thể:  - Không áp dụng biện pháp cấp phép;  - Chỉ yêu cầu trách nhiệm thu thập thông tin về tên tuổi, số điện thoại của người bán trên mạng xã hội và xác thực qua số điện thoại. | Các mạng xã hội có hoạt động cung cấp dịch vụ TMĐT cần thiết phải điều chỉnh và có nghĩa vụ công bằng với các website cung cấp dịch vụ TMĐT, bởi mạng xã hội đang là chủ thể cạnh tranh trực tiếp với các sàn. Do vậy, để đảm bảo cạnh tranh công bằng thì các nghĩa vụ phải tương đương. Tuy nhiên, với mạng xã hội không có chức năng đặt hàng trực tuyến, thì chủ sở hữu mạng này không phải thực hiện nội dung quy định bổ sung tại điểm b khoản 13 Điều 1 (bổ sung khoản 11 Điều 36 Nghị định 52). |
| Về thương nhân, tổ chức nước ngoài bán hàng trên sàn thương mại điện tử Việt Nam:  Điều 1.17 Dự thảo quy định các thương nhân nước ngoài bán hàng trên sàn thương mại điện tử Việt Nam phải chỉ định đại lý thương mại. Quy định này cần xem xét các nội dung sau:  - Thời điểm các thương nhân nước ngoài phải chỉ định đại lý thương mại là thời điểm nào? Với các thương nhân đã kinh doanh trên sàn thì thời hạn hoàn thành nghĩa vụ này là thời điểm nào?;  - Xử lý như thế nào trong trường hợp thương nhân nước ngoài không chỉ định đại lý thương mại tại Việt Nam?;  - Việc chỉ định đại lý có phải do thương nhân nước ngoài tự khai, tự chịu trách nhiệm hay có trách nhiệm của các bên khác nữa? Do có thể xảy ra tình trạng các thương nhân này chỉ định đại lý không đúng (không tồn tại hoặc tồn tại nhưng không có quan hệ đại lý);  Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định làm rõ những vấn đề trên. | 1. Dự thảo đang quy định phù hợp với thực tiễn khi cho thương nhân lựa chọn 1 trong 3 cách thức để hàng hóa của mình đến tay người tiêu dùng  *“i) Yêu cầu thương nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; hoặc*  *ii) Tổ chức việc thực hiện hoạt động nhập khẩu theo ủy thác của người mua đối với hàng hóa do thương nhân, tổ chức nước ngoài giao dịch trên sàn giao dịch thương mại điện tử; hoặc*  *iii) Yêu cầu thương nhân, tổ chức nước ngoài chỉ định đại lý thương mại của mình tại Việt Nam.”*  2. Với cách thức thứ iii, nhiều thương nhân nước ngoài hiện nay đã có hệ thống đại lý tại Việt Nam. Do vậy, họ có thể lựa chọn hình thức này để bán trên sàn.  3. Dự thảo quy định trách nhiệm của chủ sàn trong việc kiểm soát quan hệ đại lý do thương nhân nước ngoài cung cấp. |
| Về cạnh tranh trong lĩnh vực thương mại điện tử  Một trong những lo ngại của cơ quan soạn thảo là việc các nhà đầu tư nước ngoài nắm quyền quản lý các sàn thương mại điện tử sẽ tạo điều kiện cho người bán nước ngoài, hàng hóa nước ngoài vào thị trường Việt Nam, từ đó ảnh hưởng đến hàng hóa và nhà sản xuất nội địa . Vấn đề này có thể được giải quyết bằng các quy định của pháp luật cạnh tranh, cụ thể Điều 27.1 Luật Cạnh tranh 2018 quy định cấm hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để ngăn cản doanh nghiệp khác tham gia, mở rộng thị trường hoặc loại bỏ doanh nghiệp khác. Tuy nhiên, vấn đề nằm ở chỗ trong môi trường điện tử, các hành vi này thường được thực hiện cực kỳ tinh vi và rất khó phát hiện, chứng minh. Do vậy, để đảm bảo khả năng thực thi, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc bổ sung một số quy định sau:  - Thành lập đội giám sát ngay trong Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số về vấn đề cạnh tranh trong thương mại điện tử, tập trung vào mảng cạnh tranh ngành dọc (giữa thương nhân bán hàng và chủ sàn);  - Yêu cầu các đơn vị có vị thế thống lĩnh, độc quyền phải báo cáo các nội dung có thể ảnh hưởng đến cạnh tranh (ví dụ: thuật toán hiển thị, chính sách áp dụng với thương nhân bán hàng…);  - Tiếp nhận phản ánh về các sự việc liên quan đến cạnh tranh qua Cổng thông tin của Cục. | Tiếp thu. Đây là phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, do vậy, Bộ Công Thương sẽ tổ chức thực thi mạnh mẽ, nghiêm túc theo quy định của pháp luật về cạnh tranh và TMĐT, đảm bảo việc thực hiện các quy định như ý kiến của VCCI. |
| Về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử:  Điều 63 Nghị định 52/2013/NĐ-CP quy định về điều kiện kinh doanh với dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử. Tuy nhiên, Luật Đầu tư 2014 cũng như Luật đầu tư 2020 đều không quy định đây là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của quy định này. Nếu không giải trình được, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ quy định này.  Trên đây là một số ý kiến ban đầu của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về Dự thảo Nghị định sửa đổi một số điều của Nghị định 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử. Rất mong cơ quan soạn thảo cân nhắc để chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo này. | *Hoạt động thương mại điện tử* là một trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong danh mục của Luật Đầu tư. Trong đó, hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử là một trong các hoạt động thương mại điện tử. |
| 15 | Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam | Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)  Cần xem xét lại phạm vi điều chỉnh nêu trong dự thảo. Việc loại trừ “các dịch vụ khác đã được quy định tại pháp luật chuyên ngành” khỏi phạm vi điều chỉnh của Nghị định sửa đổi sẽ không phù hợp với khái niệm hoạt động thương mại điện tử được nêu tại Điều 3.1.  Nội dung về Giao kết hợp đồng trong thương mại điện tử tại Chương II của Nghị định 52 là nội dung quan trọng nhất của Nghị định và áp dụng cho mọi hoạt động thương mại, bao gồm các dịch vụ được cung cấp trên cơ sở thương mại được quy định tại pháp luật chuyên ngành.  Hiện nay, sự phân biệt giữa kinh tế số, kinh tế Internet và thương mại điện tử chưa rõ ràng dẫn tới khó khăn trong việc thống kê, xây dựng chính sách và pháp luật. Liên quan tới việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 52 cũng như các hoạt động khác liên quan tới thương mại điện tử, VECOM đề xuất Cục có giải thích, hướng dẫn làm rõ phạm vi các lĩnh vực, hoạt động thuộc ba khái niệm trên. | Hiện nay, các lĩnh vực chuyên ngành như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán đã có những quy định riêng về giao dịch điện tử như: Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2018 về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính; Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2017 hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán; Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng.  Do đó, việc loại trừ như phạm vi điều chỉnh là cần thiết, tránh chồng chéo trong quản lý giữa các Bộ, ngành |
| Về nguyên tắc hoạt động thương mại điện tử (Khoản 4 Điều 26): Nên bổ sung nội dung liên quan tới giao kết hợp đồng như sau:  Hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện, thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện phải tuân thủ quy định về giao kết hợp đồng tại Chương II Nghị định 52 và các quy định pháp luật liên quan. | Các quy định về giao kết hợp đồng tại Chương II Nghị định 52 là áp dụng chung cho các loại hình hoạt động TMĐT, không chỉ áp dụng riêng cho hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện. |
| Về mạng xã hội (khoản 2 Điều 35)  Việc quy định mạng xã hội có một trong các đặc tính nêu tại khoản 2.a, 2.b, 2.c, 2.d Điều 35 tương đương sản giao dịch thương mại điện tử có thể dẫn tới những khó khăn trong quản lý và thực thi, đặc biệt là với các mạng xã hội cung cấp qua biên giới. | Quản lý mạng xã hội nói chung được quy định tại hệ thống các văn bản pháp luật chuyên ngành; bên cạnh đó, hệ thống pháp luật về mạng xã hội cung cấp qua biên giới cũng đang từng bước được hoàn thiện từ thuế, hải quan, an ninh mạng, việc bổ sung quy định quản lý hoạt động TMĐT trên mạng xã hội là cần thiết trên cơ sở thực tiễn hoạt động mua bán hàng hóa, dịch vụ trên các mạng này diễn ra ngày càng phổ biến |
| Về trách nhiệm liên quan tới thuế của sàn giao địch thương mại điện từ (khoản 11.b Điều 36)  Mọi nội dung liên quan tới thuế nên quy định trong các văn bản pháp luật về thuế. | Nghị định này không quy định cụ thể về phương thức quản lý và thu thuế đối với TMĐT, mà dẫn chiếu về trách nhiệm nộp thuế của chủ sàn theo quy định của pháp luật. |
| Về cung cấp công cụ hỗ trợ tra cứu, định danh người bán (khoản 11.a Điều 36)  Cần làm rõ hơn quy định này theo nguyên tắc bảo đảm quyền bí mật kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong những trường hợp cụ thể, doanh nghiệp có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan tới người bán phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước. Cơ quan quản lý nhà nước cũng phải có trách nhiệm rõ ràng về trách nhiệm bảo vệ thông tin nhận được. | Tiếp thu. |
| Về thanh toán đảm bảo (khoản 4 Điều 74)  Việc website thương mại điện tử có chức năng thanh toán trực tuyến có cung cấp phương thức thanh toán đảm bảo hay không là tự do lựa chọn của nhà cung cấp, không nên đặt ra là một nghĩa vụ phải tuân thủ. | Phương thức thanh toán đảm bảo trong TMĐT hiện đã được sử dụng tại Hàn Quốc và là phương thức hiệu quả hỗ trợ bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong các giao dịch thanh toán trực tuyến diễn ra trên website TMĐT. Hiện nay, hạ tầng pháp lý về thanh toán tại Việt Nam đã hoàn thiện, việc kết nối với các tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán cũng không phải là hoạt động phức tạp |
| Về điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài (Điều 67c)  Cần cân nhắc kỹ các quy định này, xét trong tổng thể nhu cầu vốn cho thương mại điện tử để triển khai Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, các cam kết quốc tế của Việt Nam, sự đầu tư chéo xuyên quốc gia trên phạm vi toàn cầu và các vấn đề thực thi khác. | Tiếp thu |